6. Các Bộ (chủ yếu là các Bộ Hải sản, Nội thương, Giao thông vận tải) cùng các Ủy ban nhân dân địa phương cần chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp từ tổ chức đánh bắt đến hậu cần, thu mua, vận chuyển, bảo quản, chế biến, động viên chính trị và giáo dục tư tưởng trong ngư dân... để đẩy mạnh khai thác, tập trung các nguồn hải sản chính trong tay Nhà nước, bảo đảm yêu cầu của xuất khẩu và của nhân dân trong nước.

Bộ Hải sản cùng Ủy ban Vật giá Nhà nước có trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 1978

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

Y TẾ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên bộ số 13-LB ngày 7-6-1978 về việc quy định chiết khấu thương nghiệp của ngành dược phẩm và chế độ thu tài chính Nhà nước đối với ngành dược phẩm.

Căn cứ vào quyết định số 140-CP ngày 13-9-1968 của Hội đồng Chính phủ về việc cải tiến chế độ thu tài chính và chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh; và căn cứ vào thông tư số 165-TTg ngày 21-3-1978 của Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung và thống nhất chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ xí nghiệp để áp dụng trong cả nước từ năm 1977 trở đi;

Căn cứ vào yêu cầu cải tiến chế độ thu tài chính đối với ngành dược phẩm thuộc Bộ Y tế là tăng cường trách nhiệm quản lý kinh tế tài chính trong ngành dược phẩm ở khâu sản xuất cũng như ở khâu lưu thông phân phối cho phù hợp với tình hình mới.

Sau khi thỏa thuận với Ủy ban Vật giá Nhà nước, liên Bộ Y tế — Tài chính ban hành thông tư quy định về:

— Giá giao dịch giữa các đơn vị trong ngành dược phẩm;

— Chiết khấu thương nghiệp của ngành dược phẩm;

— Chế độ thu tài chính đối với các xí nghiệp và công ty của ngành dược phẩm.

I. GIÁ GIAO DỊCH DƯỢC PHẨM VÀ GIÁ HẠCH TOÁN HÀNG TỒN KHO DƯỢC PHẨM

1. Các công ty dược phẩm mua hàng của xí nghiệp sản xuất dược phẩm trung ương và địa phương theo giá bán buôn công nghiệp. Giá bán buôn công nghiệp là giá bán lẻ cho người tiêu dùng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định trừ (—) chiết khấu thương nghiệp dược phẩm theo quy định dưới đây.

— Công ty dược phẩm cấp I mua hàng của xí nghiệp sản xuất dược phẩm trung ương và địa phương những mặt hàng do trung ương thống nhất phân phối và thống nhất quản lý giá theo giá bán lẻ trừ (—) chiết khấu thương nghiệp dược phẩm toàn ngành quy định cho nhóm hàng đó.

— Công ty dược phẩm cấp II mua hàng của xí nghiệp sản xuất dược phẩm địa phương để tiêu thụ tại địa phương đó theo giá bán lẻ trừ (—) chiết khấu thương nghiệp dược phẩm cấp II quy định cho nhóm hàng đó.

2. Công ty dược phẩm cấp II mua hàng của Công ty dược phẩm cấp I theo giá bán lẻ trừ (—) chiết khấu thương nghiệp dược phẩm cấp II quy định cho nhóm hàng đó.

3. Công ty dược phẩm cấp I mua hàng dược phẩm (thành phẩm) nhập khẩu của ngoại thương theo giá bán buôn hàng nhập. Giá bán buôn hàng nhập là giá bán lẻ dược phẩm trong nước trừ (—) chiết khấu thương nghiệp dược phẩm toàn ngành quy định cho nhóm hàng đó (thông tư liên Bộ Tài chính — Ngân hàng — Ngoại thương số 13 ngày 10-7-1974 hướng dẫn thi hành nghị định số 200-CP ngày 31-12-1973 của Hội đồng Chính phủ).

4. Đối với hàng dược phẩm do trung ương thống nhất phân phối và quản lý giá thì các Công ty thương nghiệp dược phẩm hạch toán tồn kho theo giá bán lẻ quy định thống nhất trong cả nước. Đối với hàng dược phẩm do địa phương quản lý giá thì các công ty dược phẩm hạch toán tồn kho theo giá bán lẻ do Ủy ban nhân dân địa phương quy định.

II. CHIẾT KHẤU THƯƠNG NGHIỆP

1. Chiết khấu thương nghiệp dược phẩm gồm có phí lưu thông (kể cả hoa hồng cho y tế xã) và lợi nhuận định mức.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Chiết khấu thương nghiệp dược phẩm được quy định theo nhóm hàng :

— Nhóm tân dược, bông băng ;

— Nhóm cao đơn, thuốc nam, thuốc bắc.

3. Cơ sở để tính chiết khấu thương nghiệp : Việc quy định mức chiết khấu thương nghiệp dược phẩm dựa trên cơ sở xác định đúng đắn chi phí lưu thông. Chi phí lưu thông là các khoản chi phí phát sinh trong việc vận chuyển, bảo quản và tiêu thụ hàng hóa từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ. Việc tính toán các khoản phí lưu thông phải theo đúng những quy định về phí lưu thông trong Điều lệ tạm thời về việc lập kế hoạch hạch toán và thống kê giá thành và phí lưu thông ban hành kèm theo nghị định số 43-CP ngày 16-9-1960 của Hội đồng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan. (Có bản phụ lục kèm theo)(1).

Theo quy định trong Điều lệ về lập kế hoạch hạch toán và thống kê giá thành và phí lưu thông của Chính phủ thì hàng năm Hội đồng Chính phủ xét duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch phí lưu thông và nhiệm vụ giảm phí lưu thông cho ngành dược phẩm (nghị định số 43-CP ngày 16-9-1960 của Hội đồng Chính phủ). Bộ Y tế căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch về chi phí lưu thông được duyệt mà phân bổ cho các công ty ; trong quá trình thực hiện các công ty phải phấn đấu giảm chi phí lưu thông ; và có giảm được chi phí lưu thông thì mới tăng được lợi nhuận để trích lập các quỹ xí nghiệp theo chế độ quy định.

Căn cứ vào tình hình thực tế về phí lưu thông của ngành dược phẩm hiện nay và phương hướng kế hoạch 5 năm (1976 — 1980) ; sau khi thỏa thuận với Ủy ban Vật giá Nhà nước, liên Bộ Y tế — Tài chính ấn định tạm thời định mức chiết khấu thương nghiệp dược phẩm toàn ngành áp dụng trong cả nước bằng 12 % so với doanh số bán lẻ thuần túy ; trong đó phí lưu thông là 10,5 %, lợi nhuận định mức là 1,5 %.

Bộ Y tế căn cứ vào định mức chiết khấu thương nghiệp toàn ngành trên đây phân bổ cho từng nhóm hàng và cho từng Công ty dược phẩm cấp I và cấp II.

Định mức chiết khấu thương nghiệp dược phẩm được ấn định căn cứ vào giá bán lẻ dược phẩm năm 1977 ; nếu sau này Nhà nước thay đổi giá bán lẻ thì sẽ thay đổi tỷ lệ chiết khấu cho phù hợp với giá bán lẻ mới trên cơ sở giữ nguyên số tiền tuyệt đối cũ đã tính ra theo định mức chiết khấu của nhóm hàng đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có chênh lệch giữa chiết khấu thương nghiệp đã phân bổ cho các công ty so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt hàng năm về phí lưu thông và lợi nhuận thì giải quyết như sau : Các Công ty thương nghiệp dược phẩm hạch toán kinh tế được bù trừ chiết khấu giữa các nhóm hàng, mặt hàng. Nếu có chiết khấu thừa thì công ty nộp vào ngân sách Nhà nước, nếu thiếu thì công ty được ngân sách Nhà nước xét cấp bù, (ngân sách trung ương thu hoặc cấp bù cho các Công ty cấp I, ngân sách địa phương thu hoặc cấp bù cho các Công ty cấp II).

III. CHẾ ĐỘ THU TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NGÀNH DƯỢC PHẨM

Chế độ thu tài chính Nhà nước đối với các xí nghiệp quốc doanh thuộc ngành dược phẩm bao gồm :

— Thu quốc doanh,

— Thu nộp về chênh lệch giá,

— Thu trích nộp lợi nhuận,

— Thu nộp khấu hao cơ bản,

— Thu về hoàn vốn lưu động thừa (nếu có),

— Các khoản thu khác do Nhà nước quy định, (nếu có).

Không áp dụng chế độ thuế doanh nghiệp đối với các xí nghiệp dược phẩm quốc doanh.

a) Về thu quốc doanh :

Sau khi thực hiện chiết khấu thương nghiệp dược phẩm mới, số thu nhập thuần túy xã hội được tập trung thu phần lớn ở khâu sản xuất. Các xí nghiệp công nghiệp sản xuất dược phẩm sẽ nộp vào ngân sách Nhà nước theo chế độ thu quốc doanh.

Mức thu quốc doanh được tính trên cơ sở xác định khoản chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp với giá bán buôn xí nghiệp. Việc lập phương án, xét duyệt, công bố mức thu quốc doanh cụ thể cho từng loại sản phẩm dược phẩm áp dụng theo quy định trong thông tư số 5-TC/TQD ngày 30-3-1978 của Bộ Tài chính về việc mở rộng và thống nhất áp dụng chế độ thu quốc doanh.

b) Về thu nộp và cấp bù chênh lệch giá :

Nếu ở các Công ty thương nghiệp dược phẩm có khoản chênh lệch giá phát sinh lúc mua vào do giá mua thực tế thấp hơn giá chỉ đạo đang được dùng làm giá nhập kho. (Mức chênh lệch bằng (=) giá chỉ đạo bán lẻ trừ (—) chiết khấu thương nghiệp trừ (—) giá mua thực tế), thì khoản chênh lệch giá này phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Nếu ở các Công ty thương nghiệp dược phẩm được cơ quan có thẩm quyền cho phép mua vào theo giá cao hơn giá chỉ đạo đang được dùng

(1) Không in bản phụ lục.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

làm giá nhập kho, thì ngân sách trung ương xét cấp bù cho những mặt hàng thuộc trung ương quyết định giá ; ngân sách địa phương xét cấp bù cho những mặt hàng thuộc địa phương quyết định giá.

Trường hợp ở các Công ty thương nghiệp dược phẩm có phát sinh chênh lệch giá lúc bán ra do cơ quan có thẩm quyền thay đổi giá bán lẻ thì ngân sách Nhà nước cũng sẽ thu hoặc bù như trên.

Các Công ty thương nghiệp dược phẩm phải hạch toán các khoản chênh lệch giá phải nộp ngân sách hay được ngân sách cấp bù phát sinh khi mua hàng hay khi bán hàng vào tài khoản 71 « thanh toán với ngân sách », tiểu khoản 71.3 « chênh lệch giá ».

Khi quan hệ với ngân sách Nhà nước về nộp hay xin cấp bù, các Công ty thương nghiệp dược phẩm phải lập tờ khai cụ thể từng mặt hàng có số lượng, giá chỉ đạo nhập kho, giá mua thực tế, số chênh lệch giá phải nộp ngân sách hoặc được ngân sách cấp bù (theo mẫu đính kèm thông tư này)(1).

c) Về trích nộp lợi nhuận :

Các xí nghiệp dược phẩm cũng như các Công ty thương nghiệp dược phẩm ở trung ương và ở địa phương có nghĩa vụ trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước.

Các xí nghiệp và công ty phải lập kế hoạch lợi nhuận hàng tháng và trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước mỗi tháng hai lần.

Lần thứ nhất trước ngày 14 phải nộp 40 % số lợi nhuận kế hoạch được duyệt.

Lần thứ hai trước ngày cuối tháng phải nộp nốt số 60 % còn lại.

Hàng tháng sau khi có báo cáo quyết toán lập theo thời hạn quy định trong chế độ báo cáo quyết toán của Nhà nước, xí nghiệp và công ty phải tính toán lại số lợi nhuận thực tế đạt được của tháng trước, đối chiếu số phải nộp và số thực nộp để nộp ngay số còn thiếu hoặc yêu cầu cơ quan thu hoàn lại số còn thừa hoặc trừ vào số phải nộp cho ngân sách trong kỳ kế tiếp.

d) Về nộp khấu hao cơ bản : Xí nghiệp công nghiệp dược phẩm cũng như Công ty thương nghiệp dược phẩm đều phải nộp số khấu hao cơ bản vào ngân sách Nhà nước một tháng hai kỳ.

đ) Về nộp vốn lưu động thừa (nếu có), các xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện đang áp dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước từ ngày 1 tháng 7 năm 1978.

Liên Bộ đề nghị Ủy ban nhân dân các thành phố, tỉnh chỉ đạo các Sở, Ty y tế, Sở, Ty tài chính phối hợp hướng dẫn các xí nghiệp công nghiệp dược phẩm và Công ty thương nghiệp dược phẩm thực hiện đầy đủ thông tư này.

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 1978

K.T. Bộ trưởng	K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính	Bộ Y tế
Thứ trưởng	***Thứ trưởng***
VÕ TRÍ CAO	NGUYỄN VĂN ĐÀN

(1) Không in bản mẫu

BỘ NÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 3-NN/CV/CN ngày 3-7-1978 hướng dẫn việc sử dụng 10%—15% đất cho chăn nuôi.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ hai đã nêu rõ : « Ngoài việc hướng dẫn nông dân sử dụng tốt đất kinh tế phụ gia đình để sản xuất thức ăn gia súc, phải kiên quyết dành 10 — 15 % diện tích trồng trọt của các hợp tác xã để sản xuất thức ăn gia súc và hình thành ở từng tỉnh, từng huyện những vùng chuyên sản xuất thức ăn gia súc ». Tiếp đó Thủ tướng Chính phủ đã có thông tư số 291-TTg ngày 19-5-1978 về việc dành từ 10 đến 15 % đất để sản xuất thức ăn, phát triển chăn nuôi trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Để thực hiện tốt chủ trương này, Bộ hướng dẫn các địa phương một số vấn đề sau đây.

I. VẤN ĐỀ DÀNH ĐẤT

Dành từ 10 đến 15 % đất sản xuất thức ăn chủ yếu là để phát triển chăn nuôi tập thể, tăng cường kinh tế hợp tác xã. Tỷ lệ này tính theo diện tích canh tác của từng huyện. Huyện căn cứ vào yêu cầu phân bón, trình độ và khả năng chăn nuôi của từng hợp tác xã mà quy định cụ thể tỷ lệ dành đất cho hợp lý.

Những hợp tác xã có kinh nghiệm chăn nuôi tốt, có thể dành trên 15 %. Những hợp tác xã yếu kém, chăn nuôi tập thể còn ít hoặc chưa chăn nuôi thì dành đất ít hơn. Nhưng tính chung trên địa bàn huyện phải phấn đấu dành từ 10 đến 15 % đất cho chăn nuôi.

Dành từ 10 đến 15 % đất để sản xuất thức ăn cho chăn nuôi tập thể bao gồm chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò, gia cầm, cá và dành một phần hỗ trợ chăn nuôi gia đình. Tùy theo phương hướng sản xuất kinh doanh của từng hợp tác

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com